

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2026

V/v tranh chấp: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Tuyên.

2. Ông Nguyễn Văn Hậu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đàm Thị Bưởi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Mạc Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 102/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị **Nông Thị T**, sinh năm 1978; Căn cước công dân số 006178003169; Cấp ngày 27/6/2021; Địa chỉ: thôn V, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

*Bị đơn: Anh **Hoàng Quyết V**, sinh năm 1975; Căn cước công dân số 019075002244; Cấp ngày 21/6/2023; Địa chỉ: thôn V, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị T, anh V đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Nông Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T chung sống với anh Hoàng Quyết V trên cơ sở tự nguyện từ năm 1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã P, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 04/12/2003. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng trong những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc; từ năm 2006 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V đi làm công ty ở tỉnh Hải Dương (nay là thành phố Hải Phòng) không quan tâm đến gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay; trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm đến nhau, chị T không còn tình cảm, lòng tin, tình yêu với anh V nữa nên kiên quyết xin được ly hôn anh Hoàng Quyết V.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên là Hoàng Thị T1 sinh ngày 01/7/1998 và Hoàng Văn Tuấn A sinh ngày 17/11/1999, hai con chung khỏe mạnh

và phát triển bình thường. Hiện hai con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Hoàng Quyết V trong quá trình tố tụng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời điểm kết hôn đúng như chị Nông Thị T trình bày; quá trình chung sống giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc; từ năm 2006 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay; trong thời gian ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh V nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 (hai) con chung tên là Hoàng Thị T1 sinh ngày 01/7/1998 và Hoàng Văn Tuấn A sinh ngày 17/11/1999, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện hai con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị T về việc xin ly hôn; Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nông Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên giải quyết vụ án xin ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

Chị Nông Thị T và anh Hoàng Quyết V đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Hoàng Quyết V kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã P, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 04/12/2003. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn

nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của chị Nông Thị T và anh Hoàng Quyết V là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng những năm đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng từ năm 2006 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau.

Tòa án đã triệu tập phiên hòa giải, nhằm hàn gắn tình cảm nhưng chị T và anh V đều có ý kiến đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì cả hai bên không còn tình cảm, tình yêu đối với nhau, việc hòa giải cũng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên để nhanh chóng giải thoát cho nhau khỏi sự bế tắc trong cuộc sống hôn nhân, đề nghị Tòa án xét xử cho ly hôn. Tại bản tự khai của anh V cũng có ý kiến về mâu thuẫn đã phát sinh từ năm 2006, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau, anh V nhận thấy vợ chồng ly thân đã lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng nên anh đồng ý ly hôn với chị T. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị T.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh Hoàng Quyết V và chị Nông Thị T có 02 (hai) con chung tên là Hoàng Thị T1 sinh ngày 01/7/1998 và Hoàng Văn Tuấn A sinh ngày 17/11/1999, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện hai con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị T đối với anh Hoàng Quyết V. Chị Nông Thị T được ly hôn với anh Hoàng Quyết V.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh Hoàng Quyết V và chị Nông Thị T có 02 con chung tên là Hoàng Thị T1 sinh ngày 01/7/1998 và Hoàng Văn Tuấn A sinh ngày

17/11/1999, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện hai con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000358 ngày 22/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Nông Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị T và anh Hoàng Quyết V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã P, tỉnh Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Tư